TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NK,** **THÀNH PHỐ CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/DS-ST
Ngày 12-12-2019
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Q

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Nguyễn Thị Hồng L

2. Bà Đỗ Thị Lệ H

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thái Minh N – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố CT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK:* Bà Lê Thị N – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 711/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Hữu P, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: 487 Trần Quang Diệu (nay là 154/15 Trần Quang Diệu), phường AT, quận BT, thành phố CT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Công N, sinh năm 1962 (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018).

Địa chỉ: 62 Đường 20, KDC An Khánh, phường AK, quận NK, thành phố CT.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1965. Vắng mặt

Nơi cư trú: 123/36 Trần Hưng Đạo, phường AP, quận NK, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Hữu P trình bày: Qua quen biết, nên ông Trần Ngọc T có vay các khoản tiền, cụ thể như sau:

- Giấy nhận nợ ngày 01/12/2015 (160.000.000 đồng);

- Giấy nhận nợ ngày 07/12/2015 (340.000.000 đồng);
- Giấy nhận nợ ngày 18/12/2015 (100.000.000 đồng);
- Giấy nhận nợ ngày 23/9/2016 (50.000.000 đồng);
- Giấy bảo lãnh vay tiền mượn ngày 12/3/2017 (210.000.000 đồng);
- Giấy nhận nợ ngày 27/3/2017 (132.000.000 đồng).

Tổng cộng là 992.000.000 đồng.

Sau đó, ông T cứ hứa hẹn mà không trả nợ, đến ngày 28/12/2017 ông T làm Tờ cam kết sẽ trả nợ dứt điểm vào ngày 28/01/2018, nhưng cũng không thực hiện. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Ngọc T phải trả nợ và tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Ngọc T đều vắng mặt nên không thể hiện ý kiến.

Diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu buộc Trần Ngọc T phải trả số nợ vay 992.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 28/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/12/2019).

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, vụ án chậm đưa ra xét xử nên vi phạm về thời hạn xét xử. Về nội dung, bị đơn ông Trần Ngọc T vay tiền của nguyên đơn nhưng sau đó không trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền 992.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 28/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Trần Ngọc T cư trú tại quận NK, thành phố CT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK và đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn ông Phạm Hữu P nộp đơn khởi kiện còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về tố tụng: Bị đơn được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn ông Trần Ngọc T có làm cam kết sẽ trả số nợ 210.000.000 đồng thay bà Nguyễn Thị Phương Mai (trong tổng số nợ 992.000.000 đồng), tại tòa phía nguyên đơn và Kiểm sát viên thống nhất không đưa bà Nguyễn Thị Phương Mai vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Từ năm 2015 đến năm 2017, ông Trần Ngọc T có vay của ông Phạm Hữu P tổng số tiền là 992.000.000 đồng, theo các giấy nhận nợ (bản gốc) như sau:

- Giấy nhận nợ ngày 01/12/2015 = 160.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ ngày 07/12/2015 = 340.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ ngày 18/12/2015 = 100.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ ngày 23/9/2016 = 50.000.000 đồng;
- Giấy nhận nợ ngày 27/3/2017 = 132.000.000 đồng;
- Giấy bảo lãnh tiền vay mượn ngày 12/3/2017 = 210.000.000 đồng.

Tuy nhiên, theo Giấy bảo lãnh tiền vay mượn ngày 12/3/2017, thì ông T ghi là bảo lãnh vay cho bà Nguyễn Thị Phương Mai nhưng thực tế bà Mai không có nhận số tiền 210.000.000 đồng, số tiền này do ông T trực tiếp nhận.

Tại Bản cam kết trả nợ ngày 28/12/2017, ông T cam kết trả cho ông P tổng số nợ là 992.000.000 đồng (trong đó có số nợ 210.000.000 đồng).

Đây là sự thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Thời hạn vay nợ đã lâu nhưng ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số nợ 992.000.000 đồng.

[5]. *Về tiền lãi:* Phía nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 28/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm; Kiểm sát viên cũng thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, ngoài việc trả nợ gốc bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ ngày 28/12/2017 đến ngày 12/12/2019 là 714 ngày.
992.000.000 đồng x 1%/tháng x 714 ngày/30 ngày = 236.096.000 đồng.
Gốc cộng lãi: 992.000.000 đồng + 236.096.000 đồng = 1.228.096.000 đồng.
Tổng cộng số tiền bị đơn trả cho nguyên đơn là 1.228.096.000 đồng.

[6]. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. *Về tạm ứng án phí:* Nguyên đơn được nhận lại 22.383.000 đồng (Theo Biên lai thu số 001569 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận NK, thành phố CT).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 93, 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Trần Ngọc T phải trả cho ông Phạm Hữu P tổng số tiền 1.228.096.000 đồng (Trong đó, nợ gốc là 992.000.000 đồng, lãi là 236.096.000 đồng). Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải nộp 48.842.880 đồng.

Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn được nhận lại 22.383.000 đồng (Biên lai thu số 001569 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận NK, thành phố CT).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Toà án nhân dân Tp. CT;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. CT;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Q. NK;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Q. NK;*
- *Lưu hồ sơ (15).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Q